

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HN-ST

Ngày: 26-02-2026

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm
2. Ông Huỳnh Hiếu Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2025/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1992. Địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: 73D khu phố A, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Chị D, anh D1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31/10/2025 và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D1. Lý do: Chị và anh D1 do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2013. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù được gia đình hai bên tổ chức hoà giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đã không còn sống chung từ đó cho đến nay nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 13/10/2013 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 13/11/2015, hiện đang sống chung với anh D1. Khi ly hôn, chị để con cho anh D1 trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn D1 vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có

đơn xin vắng, vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng D. Chị Nguyễn Thị Hoàng D được ly hôn với anh Nguyễn Văn D1; Con chung: Anh Nguyễn Văn D1 được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 13/10/2013 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 13/11/2015. Anh Nguyễn Văn D1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày không có, không giải quyết. Chị Nguyễn Thị Hoàng D chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng D, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”. Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Hoàng D là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn D1 là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị Hoàng D có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn D1 vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng D, thấy rằng:

Khi thực hiện xác minh, bà Mai Thị Ngọc T là mẹ ruột của anh D1 cung cấp thông tin: Sau khi cưới, vợ chồng anh D1 về sống chung với bà. Vợ chồng anh

D1 có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Như Q và Nguyễn Đức L, sống chung với bà từ khi mới sinh cho đến nay. Chị D và anh D1 mâu thuẫn như thế nào bà không rõ nhưng chị D đã bỏ nhà, bỏ con đi khoảng 07 - 08 năm nay, không về thăm con và cũng không gởi tiền nuôi con. Anh D1 cũng không liên lạc gì với chị D. Hiện nay anh D1 đi làm để kiếm tiền nuôi con, hàng tháng đều có gởi tiền về cho bà nuôi con và lâu lâu cũng có về thăm con.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh D1 là có thật. Nguyên nhân theo chị D bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung. Điều này dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh D1 không đến, điều đó chứng minh anh D1 không có ý muốn hoà giải đoàn tụ với chị D. Nay chị D vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 13/10/2013 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 13/11/2015, hiện đang sống chung với anh D1. Khi ly hôn, chị D trình bày đề con cho anh D1 trực tiếp nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, khi chị D không còn sống chung với anh D1 nữa thì 02 con tiếp tục sống chung với anh D1, được gia đình anh D1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần để anh D1 trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh D1 vắng mặt theo giấy triệu tập, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D trình bày không có và không yêu cầu, anh D1 vắng mặt nên không có lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị D trình bày không có, anh D1 vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị D chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng D.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Hoàng D được ly hôn với anh Nguyễn Văn D1.

2. Về con chung: Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 13/10/2013 và Nguyễn Đức L, sinh ngày 13/11/2015. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn D1 được trực tiếp nuôi 02 con. Ghi nhận anh Nguyễn Văn D1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hoàng D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày không có, anh Nguyễn Văn D1 vắng mặt không lời trình bày, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày không có, anh Nguyễn Văn D1 vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009869 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thuý Hằng

